

Số: 1955/QĐ-UBND

Nam Đông, ngày 25 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu,  
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;*

*Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện Nam Đông về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;*

*Căn cứ Công văn số 2719/SXD-QHKT ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến các Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, huyện Nam Đông đến năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 13/12/2022 của HĐND xã Hương Hữu về việc thông qua Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của UBND xã Hương Hữu tại tờ trình số 928/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023; Báo cáo thẩm định số 85/TĐ-KTHT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với những nội dung sau:

### **1. Tên đồ án, phạm vi ranh giới, thời hạn lập quy hoạch**

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

- Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng xã Hương Hữu đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã với diện tích 998,56ha. Phía Bắc giáp xã Hương Sơn, phía Nam giáp xã Thượng Long, phía Đông giáp xã Hương Xuân và xã Thượng Nhật, phía Tây giáp xã Thượng Long.

- Thời hạn lập quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2025, dài hạn đến năm 2030.

### **2. Mục tiêu, tính chất**

#### *2.1. Mục tiêu*

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng, quỹ đất sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng gắn với không gian cảnh quan, bảo tồn văn hóa truyền thống. Tạo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo

vệ môi trường sinh thái và xây dựng đạt chuẩn xã nông thôn mới.

- Thiết lập công cụ quản lý, kiểm soát không gian, quản lý xây dựng và kiến trúc, quản lý đất đai, thúc đẩy đầu tư phát triển kinh tế- xã hội.

## 2.2. Tính chất

Là xã nông thôn miền núi, phát triển theo định hướng đạt chuẩn nông thôn mới với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; sản xuất nông lâm nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại với thế mạnh là trồng cây ăn quả, chăn nuôi trang trại, hộ gia đình; ngành nghề phi nông nghiệp phát triển gắn với quá trình đô thị hóa gắn với thế mạnh khai thác tài nguyên dịch vụ du lịch sinh thái, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, bảo tồn giá trị bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, môi trường sinh thái được bảo vệ, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

## 3. Quy mô dân số và các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật chủ yếu

### 3.1. Dự báo phát triển dân số

- Dân số hiện trạng (năm 2022): 3.259 người.
- Dự báo dân số đến năm 2025: 3.410 người, dân số nông thôn chiếm 100%.
- Dự báo dân số đến năm 2030: 3.700 người, dân số nông thôn chiếm 100%.

### 3.2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và nhu cầu sử dụng đất

#### 3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m <sup>2</sup> /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
Cây xanh công cộng	2

#### 3.2.2. Chỉ tiêu hạ tầng xã hội

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Trụ sở làm việc cơ quan xã			
Trụ sở làm việc của HĐND, UBND, Đảng ủy, công an, xã đội, các đoàn thể		1.000m <sup>2</sup>	
2. Giáo dục			
a. Trường, điểm trường Mầm non	50 chỗ/1 000 dân	12 m <sup>2</sup> /chỗ	2km
b. Trường, điểm trường tiểu học	65 chỗ/1 000 dân	10 m <sup>2</sup> /chỗ	2km
c. Trường trung học	55 chỗ/1 000 dân	10 m <sup>2</sup> /chỗ	

<b>3. Y tế</b>			
Trạm y tế xã - Không có vườn thuốc - Có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m <sup>2</sup> /trạm 1.000 m <sup>2</sup> /trạm	
<b>4. Văn hóa, thể thao công cộng</b>			
a. Nhà văn hóa		1.000 m <sup>2</sup> /công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m <sup>2</sup> /công trình	
c. Thư viện		200 m <sup>2</sup> /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m <sup>2</sup> /cụm	
<b>5. Chợ, cửa hàng dịch vụ</b>			
a. Chợ	1 chợ	1.500m <sup>2</sup>	(nếu có)
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300m <sup>2</sup>	
<b>6. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông</b>			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m <sup>2</sup> /điểm	

### 3.2.3. Chỉ tiêu chính hạ tầng kỹ thuật

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1.	<b>Khu vực chăn nuôi, sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp</b>	
a.	Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất	Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 200 m
b.	Khu sản xuất	Gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước
c.	Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hóa học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, trạm xay xát, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ	Bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hóa học đến khu ở không được < 100 m.
2.	<b>Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung</b>	
a.	Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp	Có thể bố trí trong khu ở, tại các

	không gây ô nhiễm môi trường	nhà phụ của từng hộ gia đình
b.	Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường	Phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mỗi giao thông
3.	Giao thông	
a.	Đường huyện	Cấp IV, V, VI
b.	Đường xã	A, B
c.	Đường thôn	B,C
d.	Đường dân sinh	D
e.	Đường nối với các khu vực sản xuất	Cấp IV, V, VI
4	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150 W/người
5	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm
6	Chiếu sáng công cộng	Tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$
7	Nghĩa trang	Tối thiểu 0,04ha/1.000 người

#### 4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

##### 4.1. Định hướng quy hoạch khu trung tâm xã và công trình công cộng

Quy hoạch khu trung tâm xã tại khu vực thôn Con Gia, Ra Rang với diện tích 14,5ha, dọc theo trục đường 14B và đường liên xã Hương Hữu - Hương Xuân, là khu trung tâm hành chính, văn hóa, xã hội, dịch vụ của xã bao gồm một số công trình như sau:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích sử dụng đất (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở HĐND, UBND xã	Thôn Con Gia	3.100
2	Trạm y tế xã	Thôn Con Gia	900
3	Trường Tiểu học Hương Hữu	Thôn Ra Rang	9.720
4	Trường Mầm non Hương Hữu	Thôn Ra Rang	3.130
5	Điểm Bưu điện văn hoá xã	Thôn Con Gia	120
6	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Con Gia	Thôn Con Gia	400

##### 4.2. Định hướng quy hoạch khu dân cư (điểm dân cư) nông thôn

4.2.1. Định hướng quy hoạch : Tổng diện tích quy hoạch 29,69ha, trong đó:

- Duy trì các khu dân cư hiện trạng 7 thôn (Rung Ghênh, Con Gia, Bá Tang, Ga Hin, Ra Đàng, Ra Rang và Ứ Rang) với diện tích 16,29ha (đã điều chỉnh chuyển 5,73ha sang mở rộng các tuyến giao thông theo quy hoạch).

- Quy hoạch mới các điểm dân cư nông thôn: 13,40ha. Cụ thể:

+ Mở mới các cụm dân cư tập trung tại địa điểm Khe Vồn thuộc thôn Ra Đàng, diện tích 2,07ha.

+ Mở mới khu dân cư Tà Rị thuộc thôn Ứ Rang, diện tích 3,88ha.

- Phát triển đất ở nông thôn tại những diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở nông thôn của 5 thôn Bá Tang, Ga Hin, Ra Đàng, Rung Ghênh và Ư Rang, diện tích 4,36ha.

- Phát triển đất ở nông thôn tại những diện tích đất xen ghép trong đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, cây lâu năm chuyển sang đất ở nông thôn ở các thôn Bá Tang, Con Gia, Ra Đàng, Ra Rang và Ư Rang, diện tích 3,09ha.

4.2.2. *Định hướng kiến trúc các khu dân cư:* Xây dựng các loại hình nhà ở phù hợp với tập quán văn hóa của nhân dân địa phương. Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc trưng văn hóa truyền thống, phát triển nhà vườn. Khu trung tâm xã, dọc đường 14B, đường liên xã có thể xây dựng nhà phố, kiến trúc phù hợp văn hóa miền núi. Tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

## **5. Định hướng quy hoạch các khu vực sản xuất**

### *5.1. Sản xuất nông nghiệp*

5.1.1. *Vùng trồng lúa nước và cây hàng năm:* Duy trì diện tích lúa nước với quy mô 75,61ha (trong đó diện tích gieo trồng lúa vụ Đông Xuân hàng năm là 64,5ha) chủ yếu ở các cánh đồng thôn Rung Ghênh, Ra Rang và Bá Tang, Ra Đàng, Ư Rang và cây hàng năm khác diện tích 17,08ha phân bố hầu hết các thôn trong xã.

5.1.2. *Vùng trồng cây ăn quả, cây lâu năm và chăn nuôi tập trung:* Tổng diện tích 158,56ha, cụ thể:

- Vùng cây ăn quả tập trung: Quy hoạch mới 48,65ha ở các thôn Ư Rang 29,15ha, thôn Ga Hin 15,88ha, thôn Ra Đàng 1,37ha, thôn Con Gia 2,25ha; Diện tích đã có hiện trạng 20,16ha phân bố ở tất cả các thôn.

- Vùng trồng trọt kết hợp chăn nuôi tập trung: Diện tích 12,84ha ở địa bàn các thôn Bá Tang 4,76ha, Ga Hin 2,72ha, Ra Đàng 2,58ha, Ra Rang 2,06ha và Rung Ghênh 0,72ha.

- Vùng trồng cây lâu năm khác: Duy trì diện tích hiện có 76,91ha cây Cao su và các loài cây ăn quả khác để đảm bảo nguồn thu nhập cho người dân.

5.1.3. *Vùng sản xuất lâm nghiệp:* Trồng rừng sản xuất với tổng diện tích 218,44ha, trong đó:

+ Trồng rừng nguyên liệu 70,10ha.

+ Phát triển vùng nguyên liệu Quế trên đất lâm nghiệp 148,34 ha (trong diện tích quy hoạch mới 320ha: trồng tập trung 250ha, trồng phân tán 70ha) được bố trí trên diện tích các thôn Bá Tang 4,87ha, Con Gia 16,57ha, Ga Hin 62,84ha, Rung Ghênh 63,45ha và một số diện tích rải rác các thôn khác.

- Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên: Thực hiện bảo vệ rừng tự nhiên với diện tích 209,63ha, thực hiện các biện pháp làm giàu rừng, tham gia dịch vụ môi trường rừng.

5.1.4. *Vùng nuôi trồng thủy sản:* Duy trì diện tích 12,98ha nuôi cá nước ngọt hiện có của xã, khuyến khích người dân đưa các giống cá có chất lượng hàng hóa.

## 5.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Khai thác, chế biến đá xe ốp lát và vật liệu xây dựng 62ha; trong đó diện tích khai thác đá Gabro sản xuất đá ốp lát 47ha, sản xuất vật liệu xây dựng thông thường 15ha.

- Duy trì và phát triển sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống trên địa bàn như rèn, mộc và các ngành nghề mới như nhôm kính, xây dựng, sản xuất vật liệu...

## 5.3. Thương mại dịch vụ và du lịch

- Ngoài các mặt hàng tiêu dùng thông thường thì định hướng trong giai đoạn tới sẽ mở rộng các điểm thu mua, bán sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đặc sản của địa phương như Chuối, Cam, Dứa và các sản phẩm dịch vụ ăn uống, quà lưu niệm phục vụ du lịch sinh thái khi khu Du lịch sinh thái Chà Nghe được đầu tư và hoạt động.

- Định hướng phát triển Khu du lịch sinh thái Cha Nghe diện tích 25ha.

## 6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 6.1. Quy hoạch giao thông

6.1.1. *Giao thông đối ngoại:* Hệ thống giao thông trực liên vùng: Trục Tỉnh lộ 14B nâng cấp hình thành Quốc lộ 49E chiều dài tuyến đi qua địa bàn xã 2,9km, lộ giới 26m, đường tiêu chuẩn cấp III-IV, đường rải nhựa, quy mô 4 làn xe, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 4,5-7,5-2-7,5-4,5 (mặt cắt 1-1).

### 6.1.2. Giao thông đối nội

- Xây dựng mới 2 tuyến, có chiều dài 2,61km kết nối từ trung tâm xã đi Hương Xuân và tuyến tiếp giáp Hương Xuân (ở thôn Ư Rang) đi xã Thượng Long, lộ giới 16,5m, đường rải nhựa, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 3,0-10,5-3,0 (mặt cắt 2-2). Trong đó, tuyến từ Trung tâm xã đi Hương Xuân dài 1,61km, tuyến từ nhà ông Vương Văn Mãng thôn Ư Rang đi đến nhà ông Trần Xuân Nhã thôn Ư Rang dài 1km.

- Mở rộng và nâng cấp mở rộng 21 tuyến, có chiều dài 14,797km, lộ giới 13,5m, đường rải nhựa và bê tông, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 3,0-7,5-3,0 (mặt cắt 3-3).

- Mở rộng và nâng cấp đường trục chính thôn có chiều dài 6,482km, lộ giới 6m, đường bê tông, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4).

- Nâng cấp mở rộng tuyến vào khu dân cư mới Tà Rị, chiều dài 0,208km, lộ giới 6m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4).

- Nâng cấp mở rộng và mở mới đường vào các khu nghĩa trang 0,914km (mở mới 0,727km; nâng cấp mở rộng 0,187km), lộ giới 6, đường bê tông, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4).

6.1.3. *Giao thông phục vụ sản xuất:* Mở mới 4,525km, lộ giới 6, đường bê tông, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 5-5).

## 6.2. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu cấp nước của xã đến năm 2025 là  $981\text{m}^3/\text{ngđ}$  và đến năm 2030 là  $1.065\text{m}^3/\text{ngđ}$ .

- Nguồn cấp nước từ Nhà máy nước Thượng Long.

- Quy hoạch mở mới đường nước sinh hoạt khu dân cư mới tập trung và một số khu vực dân cư hiện có chưa có nước sạch sinh hoạt với tổng chiều dài 2.153m, trong đó giai đoạn 2023 - 2025 lắp đặt tại khu dân cư thôn Ư Rang 653m và giai đoạn 2026 - 2030 tại khu cư tập trung Khe Vồn 1.500m.

## 6.3. Quy hoạch cấp điện

- Quy hoạch mới tuyến điện sinh hoạt vào khu dân cư Khe Tà Rì: 740m.

- Quy hoạch mới tuyến điện sinh hoạt vào khu dân cư Khe Vồn: 1.530m.

- Quy hoạch mới 02 trạm biến áp 22/04Kv tại thôn Ư Rang và Thôn Ga Hin.

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn (trung tâm xã, liên xã) phải đảm bảo  $\geq 15\%$  nhu cầu điện sinh hoạt của xã.

- Tổng nhu cầu cấp điện trên địa bàn xã Hương Hữu đến năm 2025 là: 1.182kW tương đương 1.005kVA, đến năm 2030 là 1.282kVA tương đương 1.090kVA (Với hệ số  $\text{Cos}\varphi = 0,85$ ).

## 6.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

### 6.4.1. Quy hoạch nước thải

- Đối với các khu tập trung, xây dựng kiểu nhà phố xây dựng hệ thống thoát nước thải nửa riêng hoặc riêng theo quy hoạch chi tiết.

- Đối với các khu vực hiện hữu kiểu nhà vườn xử lý nước sinh hoạt theo phương pháp tự hoại (tự thấm).

- Dự kiến khối lượng quy hoạch hệ thống thoát nước mặt khu dân cư quy hoạch mới tại Khe Vồn và khu dân cư Tà Rì với tổng chiều dài 2.816m và 3 cống thoát nước.

### 6.4.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Duy trì các thùng chứa rác lưu động hiện có trên địa bàn xã.

- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 3 loại: có khả năng tái chế, tái sử dụng, chất thải hữu cơ và chất thải rắn khác.

- Vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt đến nhà máy xử lý rác thải Phú Sơn để xử lý.

- Rác thải xây dựng: Các Chủ đầu tư thu gom, vận chuyển đến bãi rác xây dựng xã Hương Phú hoặc bãi rác xây dựng tại xã Thượng Long để xử lý.

6.5. Quy hoạch nghĩa trang: Nâng cấp, mở rộng 04 khu nghĩa trang tập trung với tổng diện tích: 9,43ha, cụ thể Nghĩa trang ở thôn Ra Rang 2,53ha (dùng chung 3 thôn Ra Rang, Con Gia, Ba Tang), Nghĩa trang thôn Ư Rang 2,60ha, Nghĩa trang thôn Rung Ghênh 2,15ha và Nghĩa trang tại thôn Ga Hin 2,15ha



(dùng tập trung cho thôn Ra Đàng và Ga Hin).

#### 6.6. Công trình phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai

6.6.1. *Thủy lợi*: Quy hoạch hệ thống thủy lợi phù hợp với hệ thống giao thông nội đồng và kênh mương có sẵn. Nâng cấp xây dựng các tuyến kênh mương thủy lợi trên địa bàn xã với tổng chiều dài 7,307km tại các thôn Con Gia, Ra Đàng, Ra Rang, Rung Ghênh và Ớ Rang.

#### 6.6.2. Phòng chống thiên tai

- Nâng cấp hệ thống đập, ngầm, cầu, cống ở các thôn Bá Tang, Con Gia, Ra Đàng, Ra Rang, Ớ Rang và Ga Hin với tổng chiều dài các tuyến đập, ngầm 0,140km, 05 cống, 01 cầu.

- Nâng cấp tuyến bờ kè đập Khe Vồn thôn Ớ rang với chiều dài 0,028km.

- Xây dựng mới các tuyến bờ kè tại các thôn Bá Tang, Con Gia, Ra Rang, Rung Ghênh và Ớ Rang với chiều dài 4,114km.

### 7. Quy hoạch hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

#### 7.1. Hệ thống các trường học

7.1.1. *Trường Tiểu học Hương Hữu*: Duy trì diện tích 8.769m<sup>2</sup> hiện có của trường. Giai đoạn tới cần xây dựng mới 04 phòng học diện tích xây dựng 387m<sup>2</sup> trong khuôn viên đất của nhà trường.

7.1.2. *Trường mầm non Hương Hữu*: Duy trì diện tích 3.580,2m<sup>2</sup> hiện có của Trường. Định hướng trong thời gian tới nâng cấp trường từ nhà 1 tầng thành nhà 2 tầng có 8 phòng học với diện tích 432m<sup>2</sup> (bình quân 54m<sup>2</sup>/phòng); Đầu tư hệ thống phòng cháy, chữa cháy đảm bảo quy định.

7.2. *Công trình y tế*: Trạm y tế xã vẫn giữ nguyên hiện trạng với diện tích hiện trạng 900m<sup>2</sup>.

#### 7.3. Các công trình văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí

7.3.1. *Nhà văn hóa trung tâm xã*: Duy trì Nhà văn hóa hiện trạng diện tích 3.600m<sup>2</sup>, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, lễ hội và các sự kiện văn hóa, lịch sử diễn ra trên địa bàn xã.

7.3.2. *Các nhà văn hóa thôn*: Nâng cấp, xây dựng các nhà văn hóa của các thôn.

7.3.3. *Sân vận động xã và các điểm thể thao tại các thôn*: Quy hoạch mở mới sau Nhà văn hóa Trung tâm xã, có diện tích khoảng 0,35ha tại địa bàn thôn Ga Hin.

7.3.4. *Vườn hoa Mini*: Vườn hoa Mini được bố trí xây dựng mới gần Trung tâm xã, diện tích quy hoạch 0,07ha.

#### 7.4. Các công trình bảo tồn, du lịch:

7.4.1. *Khu di tích lịch sử*: Quy hoạch xây dựng Khu di tích lịch sử Chiến thắng Trung tâm huấn luyện biệt kích Nam Đông tại thôn Ớ Rang với diện tích 1,4ha (Đã có Quyết định công nhận di tích lịch sử văn hóa của UBND tỉnh).

7.4.2. *Khu du lịch sinh thái*: Quy hoạch xây dựng Khu du lịch sinh thái Cha Nghe có diện tích khoảng 25ha, trong đó xây dựng khu dịch vụ du lịch khoảng 1,38ha.

#### 7.5. Các công trình cơ quan hành chính

- Trụ sở HĐND-UBND xã: Duy trì theo hiện trạng với quy mô diện tích đất 3.100m<sup>2</sup>. Đảm bảo cho các hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Trụ sở Công an xã: Dự kiến xây dựng mới tại khu vực thôn Ga Hin, gần Nhà văn hóa Trung tâm xã với diện tích 0,08ha.

- Hợp tác xã sản xuất Nông nghiệp: Bố trí ở trụ sở cũ của UBND xã.

7.6. *Thông tin liên lạc*: Duy trì điểm Bưu điện văn hóa xã hiện có với diện tích 120m<sup>2</sup>.

### 8. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2022 (ha)	QH SDD đến năm 2030 (ha)	Chênh lệch DT (QH-HT)(ha)	Tỷ lệ %
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>	<b>998,56</b>	<b>998,56</b>	<b>0,00</b>	<b>00,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>911,25</b>	<b>793,96</b>	<b>-117,29</b>	<b>79,51</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	396,65	340,07	-56,58	34,06
1.1.1	Đất lúa	76,93	75,61	-1,32	7,57
1.1.2	Đất trồng trọt khác	319,72	264,46	-55,26	26,48
1.1.2.1	<i>Đất trồng cây hàng năm khác</i>	<i>29,59</i>	<i>17,08</i>	<i>-12,51</i>	<i>1,71</i>
1.1.2.2.	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>	<i>290,13</i>	<i>247,38</i>	<i>-42,75</i>	<i>24,77</i>
1.2	Đất lâm nghiệp	501,43	428,07	-73,36	42,87
1.2.1	Đất rừng sản xuất	501,43	428,07	-73,36	42,87
1.2.1.1	<i>Đất có rừng trồng</i>	<i>291,80</i>	<i>218,44</i>	<i>-73,36</i>	<i>21,88</i>
1.2.1.2	<i>Đất có rừng tự nhiên</i>	<i>209,63</i>	<i>209,63</i>	<i>0</i>	<i>20,99</i>
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	13,17	12,98	-0,19	1,30
1.4	Đất nông nghiệp khác	0	12,84	12,84	1,29
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>50,80</b>	<b>174,87</b>	<b>124,07</b>	<b>17,51</b>
2.1	Đất ở	22,02	29,69	7,67	2,97
2.2	Đất công cộng	2,65	2,52	-0,12	0,25
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	-	0,42	0,42	0,04
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	-	1,40	1,4	0,14
2.5	Đất khoáng sản và sản xuất VLXD	0,95	62,00	61,05	6,21
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	0,03	25,00	24,97	2,50
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	19,31	47,92	28,61	4,80
2.7.1	Đất giao thông	19,17	38,49	19,32	3,85
2.7.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	0,14	9,43	9,29	0,94

2.8	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	5,84	5,84	0,00	0,58
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	-	0,08	0,08	0,01
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>36,51</b>	<b>29,73</b>	<b>-6,78</b>	<b>2,98</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & MNCD	17,99	17,99	0,00	1,80
3.1.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	17,53	17,53	0,00	1,76
3.1.2	Đất mặt nước chuyên dùng	0,46	0,46	0,00	0,05
3.2	Đất chưa sử dụng	18,52	11,74	-6,78	1,18
3.2.1	Đất bằng chưa sử dụng	2,04	0,15	-1,89	0,02
3.2.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	16,48	11,59	-4,89	1,16

### 9. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển xử lý tại bãi xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy.

- Rác thải xây dựng được thu gom, xử lý tại bãi rác thải xây dựng xã Hương Phú.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, phân bón hữu cơ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Vận động nhân dân thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật để xử lý. Quản lý chăn nuôi, chăn nuôi trang trại ở khu chăn nuôi tập trung.

- Thiết lập các vành đai cây xanh cho khu dân cư, trồng cây xanh ở công viên, dọc các tuyến đường và nơi công cộng

- **Chi đạo hộ gia đình có hồ xí tự hoại đạt 100%.**

- **Thường xuyên phát động nhân dân tham gia phong trào vệ sinh môi trường, hưởng ứng ngày "Chủ nhật xanh".**

- Bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn, thực hiện tốt chính sách dịch vụ môi trường rừng.

### 10. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Đầu tư xây dựng các dự án phát triển sản xuất; hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như: Các trục giao thông chính, các công trình sự nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

### 11. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên cổng TTĐT và tích hợp các dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng quy hoạch chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau khi quy hoạch xây dựng đảm bảo đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kiêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các điểm thương mại, dịch vụ,... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

## 12. Danh mục hồ sơ đồ án được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/10.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đánh giá đất xây dựng toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000
5	Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ sản xuất toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000
6	Bản đồ định hướng phát triển không gian xã tỷ lệ 1/10.000
7	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công cộng và môi trường toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.
9	Bản đồ quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai toàn xã, tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.

**Điều 2.** Giao UBND xã xã Hương Hữu tổ chức công bố, công khai quy hoạch, Quy chế quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định. Cập nhật kết quả quy hoạch đồ án lên hệ thống GIS Huế; thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của UBND huyện và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hương Hữu và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT, KT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Phụng**